

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán tổng dự án hoàn thành
Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai
tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 3035/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, dự án thành phần Sửa chữa nâng cấp đê sông Kôn, dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp đê sông Sông Lại Giang, dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, dự án thành phần Sửa chữa nâng cấp đê sông La Tinh và Sông Cạn, dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới một số cầu sập và xuống cấp, dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp đê sông Hà Thanh, dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3190/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp một số tuyến đường tỉnh bị hư hỏng nặng, dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3364/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp một số đường huyện, liên xã bị hư hỏng nặng, dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp các đập dâng, dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp hệ thống tưới tiêu, dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 598/TTr-STC ngày 28/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với nội dung như sau:

- Tên dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT Bình Định.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Cơ quan phê duyệt dự án Đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Địa điểm xây dựng: Các huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh Bình Định.
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): Ngày 01/3/2019-06/9/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Quyết toán đợt này (đợt cuối): Chi phí tư vấn (phần chi phí chung)

1.1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán phê duyệt
Tổng cộng	2.574.000.000	2.588.672.000
1. Chi phí tư vấn (chi phí chung):	2.574.000.000	2.574.000.000
- Lập BC đề xuất chủ trương ĐT, BCNCKT tích hợp và sổ tay vận hành dự án	750.000.000	750.000.000
- Lập các khung và kế hoạch chính sách an toàn môi trường và xã hội	1.824.000.000	1.824.000.000
2. Chi phí khác:		14.672.000
- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		14.672.000

1.2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán phê duyệt	Thực hiện		
			Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị QT được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị QT được phê duyệt
1	2	3	4	5=3-4	7=4-3
Tổng số	2.574.000	2.588.672	2.574.000	14.672	0
Đã thanh toán: Vốn đầu tư công			2.574.000		
- Nguồn ngân sách tỉnh:			2.574.000		
+ Vốn đối ứng ODA:			830.035		
+ Đầu tư tập trung			1.093.598		
+ Cấp quyền sử dụng đất			150.367		
+ Nguồn ngân sách huyện nộp trả			500.000		

2. Quyết toán tổng dự án:

2.1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán phê duyệt
Tổng cộng	1.298.715.927,021	1.269.203.766,028
1. Bồi thường, GPMB:	48.736.131,021	47.688.764,541
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp một số tuyến đường tỉnh bị hư hỏng	10.076.129	9.652.657,541
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp một số đường huyện, liên xã bị hư hỏng nặng	700.387	700.384
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới một số cầu sập và xuống cấp	5.916.057,021	5.724.860
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp các đập dâng	3.998.392	3.565.698
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Hà Thanh	3.435.871	3.435.871
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Lại Giang	3.629.032	3.629.032
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Kôn	7.374.411	7.374.410
- DA thành phần: Sửa chữa nâng cấp đê sông La Tinh và sông Cạn	7.498.195	7.498.195
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống tưới tiêu	6.107.657	6.107.657

Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán phê duyệt
Tổng cộng	1.298.715.927,021	1.269.203.766,028
2. Chi phí xây dựng + thiết bị (bao gồm: Bảo hiểm + hạng mục chung):	1.148.267.360	1.134.561.070,487
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp một số tuyến đường tỉnh bị hư hỏng	400.675.265	395.321.116
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp một số đường huyện, liên xã bị hư hỏng nặng	63.786.195	63.142.173
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới một số cầu sập và xuống cấp	139.070.413	137.139.659
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp các đập dâng	139.948.451	139.199.266
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Hà Thanh	50.326.206	49.884.237
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Lại Giang	38.018.714	37.809.081
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Kôn	121.442.871	120.929.759
- DA thành phần: Sửa chữa nâng cấp đê sông La Tinh và sông Cạn	114.549.207	113.772.118,487
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống tưới tiêu	80.450.038	77.363.661
3. Chi phí quản lý dự án:	14.227.234	14.120.519
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp một số tuyến đường tỉnh bị hư hỏng	4.111.806	4.077.350
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp một số đường huyện, liên xã bị hư hỏng nặng	897.133	897.133
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới một số cầu sập và xuống cấp	1.663.653	1.652.008
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp các đập dâng	1.785.562	1.773.193
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Hà Thanh	853.586	850.692
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Lại Giang	674.317	674.239
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Kôn	1.552.018	1.552.017
- DA thành phần: Sửa chữa nâng cấp đê sông La Tinh và sông Cạn	1.470.632	1.469.930
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống tưới tiêu	1.218.527	1.173.957
4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	61.523.993	58.490.125
4.1. Chi phí chung	2.574.000	2.574.000
4.2. Chi phí theo dự án thành phần:	58.949.993	55.916.125

Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán phê duyệt
Tổng cộng	1.298.715.927,021	1.269.203.766,028
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp một số tuyến đường tỉnh bị hư hỏng	13.222.531	12.728.410
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp một số đường huyện, liên xã bị hư hỏng nặng	4.344.025	3.541.922
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới một số cầu sập và xuống cấp	8.049.042	6.558.130
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp các đập dâng	7.428.334	7.421.623
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Hà Thanh	3.708.938	3.662.249
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Lại Giang	3.352.965	3.315.579
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Kôn	6.920.688	6.819.601
- DA thành phần: Sửa chữa nâng cấp đê sông La Tinh và sông Cạn	6.329.570	6.274.712
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống tưới tiêu	5.593.900	5.593.899
5. Chi phí khác:	17.304.633	14.343.287
5.1. Chi phí chung		14.672
5.2. Chi phí theo dự án thành phần:	17.304.633	14.328.615
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp một số tuyến đường tỉnh bị hư hỏng	2.678.586	2.292.805
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp một số đường huyện, liên xã bị hư hỏng nặng	1.437.310	818.265
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới một số cầu sập và xuống cấp	1.517.300	1.433.935
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp các đập dâng	2.374.569	1.672.092
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Hà Thanh	1.515.123	1.197.123
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Lại Giang	1.095.934	1.060.656
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Kôn	3.095.615	2.348.534
- DA thành phần: Sửa chữa nâng cấp đê sông La Tinh và Sông Cạn	2.056.057	2.051.056
- DA thành phần: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống tưới tiêu	1.534.139	1.454.149
6. Chi phí dự phòng:	8.656.576	0

2.2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán phê duyệt	Thực hiện			
			Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị QT được phê duyệt	Số vốn đã thu hồi so với giá trị QT được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị QT được phê duyệt
Tổng số	1.298.715.927,021	1.269.203.766,028	1.272.128.938	14.672	2.939.843,972	0
1. Đã thanh toán: Vốn đầu tư công			1.272.128.938			
- Ngân sách Trung ương:			1.158.496.000			
+ Nguồn vốn Ngân hàng thế giới WB			1.158.496.000			
- Nguồn Ngân sách tỉnh:			72.234.747			
+ Vốn đối ứng ODA			15.000.000			
+ Đầu tư tập trung			27.300.000			
+ Nguồn cấp quyền sử dụng đất			12.774.069			
+ Nguồn thu tiền sử dụng đất			9.469.492			
+ Nguồn ngân sách huyện nộp trả			1.497.490			
+ Nguồn ngân sách huyện Phù Cát (chi TK 3741 Kho bạc tỉnh)			6.193.696			
- Nguồn ngân sách huyện:			41.398.191			
+ Ngân sách thị xã An Nhơn			8.876.465			
+ Ngân sách huyện Tuy Phước			7.879.846			
+ Ngân sách huyện Tây Sơn			4.019.705			
+ Ngân sách huyện Vân Canh			1.403.168			

Nội dung	Dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán phê duyệt	Thực hiện			
			Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị QT được phê duyệt	Số vốn đã thu hồi so với giá trị QT được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị QT được phê duyệt
+ Ngân sách huyện Vĩnh Thạnh			2.263.911			
+ Ngân sách huyện Phù Cát			5.186.891			
+ Ngân sách huyện Phù Mỹ			7.342.134			
+ Ngân sách thị xã Hoài Nhơn			3.113.533			
+ Ngân sách huyện Hoài Ân			32.538			
+ Ngân sách huyện An Lão			1.280.000			

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			1.269.203.766.028	1.269.203.766.028
1- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			1.269.203.766.028	1.269.203.766.028

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

- 4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.
4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- 1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số	1.269.203.766.028	
	Vốn đầu tư công	1.272.128.938.000	
1	Vốn đã được thanh toán	1.272.128.938.000	
	- Ngân sách Trung ương	1.158.496.000.000	
	+ Vốn Ngân hàng thế giới WB	1.158.496.000.000	
	- Nguồn Ngân sách tỉnh	72.234.747.000	
	+ Vốn đối ứng ODA	15.000.000.000	
	+ Đầu tư tập trung	27.300.000.000	
	+ Nguồn cấp quyền sử dụng đất	12.774.069.000	
	+ Nguồn thu tiền sử dụng đất	9.469.492.000	
	+ Nguồn ngân sách huyện nộp trả	1.497.490.000	
	+ Nguồn ngân sách huyện Phù Cát (chi TK 3741 Kho bạc tỉnh)	6.193.696.000	
	- Nguồn ngân sách huyện:	41.398.191.000	
	+ Ngân sách thị xã An Nhơn	8.876.465.000	
	+ Ngân sách huyện Tuy Phước	7.879.846.000	
	+ Ngân sách huyện Tây Sơn	4.019.705.000	
	+ Ngân sách huyện Vân Canh	1.403.168.000	
	+ Ngân sách huyện Vĩnh Thạnh	2.263.911.000	
	+ Ngân sách huyện Phù Cát	5.186.891.000	
	+ Ngân sách huyện Phù Mỹ	7.342.134.000	
	+ Ngân sách thị xã Hoài Nhơn	3.113.533.000	
	+ Ngân sách huyện Hoài Ân	32.538.000	
	+ Ngân sách huyện An Lão	1.280.000.000	
2	Vốn đã thu hồi	2.939.843.972	
3	Vốn còn thanh toán tiếp	14.672.000	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (02/11/2022) là:

* Tổng nợ phải thu: không

* Tổng nợ phải trả: 14.672.000 đồng

- Chi phí khác (*Thẩm tra phê duyệt quyết toán*): 14.672.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Tổng số	1.269.203.766.028	
Sở Giao thông vận tải	128.233.326.124	
Ban Quản lý Khu kinh tế	51.053.063.881	

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Ban Quản lý Bảo trì đường bộ thuộc Sở Giao thông vận tải	242.999.019.039	
Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	172.019.983.352	
Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25.696.783.091	
UBND thị xã An Nhơn	96.779.206.081	
UBND huyện Phù Cát	88.144.139.550	
UBND huyện Tây Sơn	18.002.686.356	
UBND huyện Vân Canh	35.985.838.389	
UBND thị xã Hoài Nhơn	27.911.475.664	
UBND huyện Hoài Ân	51.957.738.831	
UBND huyện Tuy Phước	64.704.387.333	
UBND huyện An Lão	13.578.066.868	
UBND xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước	13.154.068.079	
UBND xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước	8.832.293.373	
UBND xã Phước Mỹ, TP Quy Nhơn	8.180.803.593	
UBND xã Bình Tân, huyện Tây Sơn	23.783.468.838	
UBND xã Tây Phú, huyện Tây Sơn	8.413.194.578	
UBND xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	12.695.793.380	
UBND xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn	6.575.314.031	
UBND xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn	14.371.358.869	
UBND thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh	39.266.476.028	
UBND xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thạnh	8.800.101.715	
UBND xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát	16.570.454.150	
UBND xã Cát Tài, huyện Phù Cát	42.280.207.069	
UBND xã Cát Sơn, huyện Phù Cát	8.961.870.815	
UBND xã Cát Thành, huyện Phù Cát	3.697.548.646	
UBND xã Cát Minh, huyện Phù Cát	17.141.459.151	
UBND xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	19.413.639.154	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Chịu trách nhiệm về những nội dung, công việc của từng đơn vị, cơ quan đã thực hiện xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giao thông vận tải; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi; Giám đốc Ban Quản lý bảo trì đường bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K17

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng